

Học sinh theo ngành nghề, thời gian và hình thức đào tạo

- Số học sinh theo học

Năm học 1997-1998 lượng tuyển sinh vào các trường, trung tâm dạy nghề theo kết quả điều tra là 153.598 học sinh được đào tạo theo 80 nghề của 4 nhóm ngành văn hóa - nghệ thuật; xã hội - nhân văn; kinh tế - hành chính và kỹ thuật. Tại thời điểm điều tra số học sinh đang theo học của 80 nghề là 41.137 người. Như vậy số học sinh với số đang học cho thấy số vòng quay một năm của hệ dạy nghề trên địa bàn là gần bằng 4 vòng (153.598/41.137).

năm học 1995-1996, xuống còn 1% năm học 1997-1998 so với năm học 1996-1997, trong đó khu vực tư nhân giảm tốc độ (-10%); cơ cấu đào tạo cho các tỉnh có xu hướng tăng lên, song cơ cấu đào tạo theo hình thức chính quy dài hạn lại đang có xu hướng giảm dần (từ 3,32% năm học 1995-1996 còn 2,4% năm học 1996-1997 và xuống còn 1,56% năm học 1997-1998).

- Hệ số học sinh trên giáo viên theo loại trường

Xét hệ số học sinh/ giáo viên với số giáo viên và học sinh có mặt tại thời điểm điều tra cho thấy tỷ lệ học sinh/

số học sinh tốt nghiệp có tỷ lệ việc làm cao nhất trên 90% thuộc các ngành văn hóa, hành chính văn phòng, công nghệ chế biến thực phẩm; nhóm ngành nghề có số học sinh tốt nghiệp có tỷ lệ việc làm cao trên 80%- 90% thuộc các ngành hóa chất, gốm sứ, vật liệu xây dựng, nữ trang, may thêu; đứng thứ ba là ngành có tỷ lệ việc làm chiếm trên 70%- 80% gồm các ngành du lịch khách sạn, cơ khí, điện tử; các ngành có tỷ lệ học sinh tốt nghiệp có việc làm chiếm trên 60%-70% gồm ngành điện và dịch vụ khác; ngành có tỷ lệ việc làm trên 50%-60% gồm ngành vận tải,

Đánh giá nguồn cung ứng lao động công nhân kỹ thuật tại TP. Hồ Chí Minh

PGS. TS. NGUYỄN THỊ CÀNH

- Số học sinh tốt nghiệp và cơ cấu theo ngành, theo hình thức đào tạo

Theo số liệu điều tra thì tổng số học sinh tốt nghiệp từ 122 trường dạy nghề với 80 nghề đào tạo là 119.724 người, so với số đầu vào (số tuyển sinh) chiếm 77,95%. Nguyên nhân tỷ lệ tốt nghiệp thấp là do học sinh bỏ học là chủ yếu.

Về cơ cấu học sinh tốt nghiệp phân theo nhóm ngành nghề đào tạo như sau: có 3.743 học sinh tốt nghiệp thuộc nhóm ngành văn hóa, chiếm 3,18%; có 9.190 học sinh tốt nghiệp thuộc nhóm ngành xã hội, nhân văn mà chủ yếu là ngoại ngữ, chiếm 7,68%; có 11.581 học sinh tốt nghiệp thuộc nhóm ngành kinh tế hành chính trong đó chủ yếu là kinh tế, chiếm 9,67%; có 91.059 học sinh tốt nghiệp thuộc nhóm ngành kỹ thuật, chiếm 73,54%, trong đó ngành tin học điện tử có tới 38.379 học sinh tốt nghiệp chiếm non phân nửa các ngành kỹ thuật (31,97% so với tổng số học sinh tốt nghiệp trên địa bàn). So sánh tình hình đào tạo qua 3 năm gần đây thông qua số học sinh tốt nghiệp cho thấy tỷ lệ tăng số học sinh tốt nghiệp bình quân là 8,9%/ năm, tuy nhiên tốc độ tăng đang có xu hướng chậm lại từ tốc độ tăng 17% năm học 1996-1997 so với

giáo viên hiện nay là thấp bình quân 13,2 học sinh/ giáo viên, trong đó hệ số cao nhất là các trường thuộc nhóm ngành văn hóa (19,6 HS/GV); trường ngoại ngữ tỷ lệ này là 7,3; trường kinh tế hành chính là 5,0; khối các trường kỹ thuật có hệ số học sinh trên giáo viên rất thấp bình quân 3,3, trong đó có nhiều ngành tỷ lệ học sinh trên giáo viên dưới 1 như ngành cơ khí là 0,9, ngành hóa chất là 0,3, ngành in là 0,8.... Với hệ số học sinh/ giáo viên thấp thể hiện sự khó thu hút học sinh vào học nghề, đặc biệt là ở các ngành nghề kỹ thuật do đó đội ngũ giáo viên tạm thời bị dư thừa hay nói cách khác chưa sử dụng hết năng lực đội ngũ giáo viên hiện hữu.

Chất lượng đào tạo thông qua khả năng kiểm được làm việc của học sinh

Theo thống kê và đánh giá của các trường đào tạo nghề được tổng hợp từ kết quả điều tra thì số học sinh tốt nghiệp ra trường có được việc làm trong giai đoạn 1995-1998 như sau: Năm 1998 (1997-1998) tỷ lệ ra trường đã có được việc làm cao hơn năm 1997 nhưng thấp hơn năm 1996, trung bình chiếm 63,2% tổng số học sinh tốt nghiệp, trong đó nhóm ngành nghề có

xây dựng, in; nhóm ngành có số học sinh tốt nghiệp có tỷ lệ việc làm dưới 50% gồm ngành tin học, nông nghiệp, ngoại ngữ, kinh tế, trong đó ngành có tỷ lệ việc làm thấp nhất là ngành kinh tế chỉ có 31,75% số tốt nghiệp ra trường có việc làm.

Từ thực tiễn trên cho thấy xu thế có việc làm từ kết quả đào tạo đang nghiêng dần về các ngành kỹ thuật cơ khí, điện, xây dựng, may mặc, hóa chất, công nghệ chế biến, trong lúc xu thế đầu vào lại tăng dần ở các ngành tin học, ngoại ngữ, kinh tế. Tuy nhiên số liệu điều tra về dự kiến của các trường về tăng nhu cầu đào tạo các ngành nghề mới cho giai đoạn tới với khả năng tăng so với số đào tạo hiện nay với mức bình quân tăng chung cho tất cả các trường là 14,56%, trong đó tỷ trọng cao nhất thuộc các ngành nghề sau: điện lạnh 18,48%, sửa chữa điện xí nghiệp 18,27%, kỹ thuật truyền thông 11,56%, cơ khí chính xác 6,42%, điện tử 6,11%, bảo vệ chuyên nghiệp 5,78%, vận hành máy công nghiệp 4,7%, gốm sứ 4,54%, in offset 4,54%, nữ công gia chánh 4,13%, thư ký giám đốc 2,89%, ngoại ngữ 2,37%, sửa chữa ô tô xe máy 1,86%, công nghệ chế biến lương thực, thực phẩm 1,42%, công nghệ sinh học 1,42%, sửa chữa

máy nông nghiệp 1,05%, mộc 1,05%, các nghề còn lại dưới 1%.

Những mặt tích cực và hạn chế trong đào tạo đội ngũ CNKT hiện nay

Từ các phân tích trên có thể cho phép đưa ra một số nhận định về tình hình phát triển đào tạo nghề trên địa bàn TP. HCM dưới đây.

Các mặt tích cực

Chính sách xã hội hóa về giáo dục đã có những tác động tích cực đến phát triển hệ thống dạy nghề trên địa bàn thành phố. Theo đó hệ thống đào tạo nghề phát triển đa dạng huy động mọi thành phần tham gia, thu hút thêm các nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực đào tạo nghề thể hiện qua các trường dạy nghề tư nhân, công lập phát triển mạnh, nhiều ngành nghề mới đã được đưa vào đào tạo, cơ cấu ngành nghề được thay đổi đã phù hợp hơn cho nhu cầu của thị trường. Kết quả này cũng được thể hiện qua số người được tiếp cận với hệ thống đào tạo nghề ngày càng đông hơn, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học vào học các trường đào tạo nghề ngày một cao hơn, một số trường dạy nghề (chủ yếu là trường nhà nước) đã đủ điều kiện vươn lên trở thành trường trung học nghề hướng tới mở rộng đào tạo các ngành nghề theo hệ chính quy và đào tạo công nhân bậc cao, công nhân lành nghề, cao hơn nữa là kỹ sư thực hành. Tuy nhiên, trên tổng thể thì hệ thống đào tạo nghề trên địa bàn thành phố hiện còn nhiều hạn chế và đang đương đầu với những thách thức lớn.

Những hạn chế và thách thức

1. Tuy có hệ thống lớn về số lượng các trường dạy nghề, song quy mô của các trường đa số là thuộc loại quá nhỏ về số lượng giáo viên, về diện tích mặt bằng và về vốn đầu tư cho cơ sở vật chất (số trường có số lượng giáo viên dưới 5 người hoặc từ 5- dưới 10 người là chiếm đa số). Quy mô trường quá nhỏ thể hiện năng lực đào tạo không đáp ứng, không có khả năng đào tạo theo chương trình đào tạo nghề chính quy dẫn đến chất lượng đào tạo thấp là điều chắc chắn.

2. Hình thức đào tạo chủ yếu trên 98% là đào tạo "xổ" ngắn hạn, thời gian trung bình của hình thức đào tạo này hiện nay chủ yếu là từ 2 tháng đến 3 tháng. Theo chúng tôi từ 2 tháng đến

3 tháng chủ yếu chỉ đủ để hướng nghiệp chứ không thể đủ để trở thành công nhân kỹ thuật bậc 3/7 được và như vậy về trình độ loại lao động này ra trường chỉ hơn lao động phổ thông chưa qua đào tạo một chút mà thôi. Như vậy thành tựu của hệ thống dạy nghề vừa qua thực chất không phải như số liệu thống kê công bố về chỉ số công nhân kỹ thuật có trình độ chuyên môn từ bậc 3 trở lên đã được tăng đáng kể. Vì rằng các trường dạy nghề theo hình thức ngắn hạn đều cấp giấy chứng nhận cho học sinh ra trường là bậc 3/7, song thực chất qua 2-3 tháng đào tạo không thể đạt được trình độ tay nghề nêu trên, còn thống kê thì phải công bố số liệu trên cơ sở các trường báo cáo hằng năm.

3. Chất lượng của đội ngũ giáo viên nhìn chung là còn thấp. Có khoảng 65% số giáo viên là có trình độ cao đẳng đại học trở lên, còn lại là trình độ trung cấp và công nhân kỹ thuật, trong đó số giáo viên giảng dạy lý thuyết chiếm tới 43% tổng số giáo viên. Trong lúc đó yêu cầu đối với các nghề kỹ thuật là thời lượng thực hành và kỹ năng tay nghề phải nhiều hơn, đòi hỏi phải có đội ngũ giáo viên với số lượng chuyên sâu về thực hành nhiều hơn và tối thiểu phải có trình độ công nhân lành nghề bậc cao hoặc kỹ sư thực hành trở lên.

4. Chương trình đào tạo đã lạc hậu lại không được quản lý thống nhất, không có hệ thống giám sát và các quy chuẩn yêu cầu đối với chương trình đào tạo cho các nghề và tương ứng với nó là hệ thống thang bậc thợ đầu ra cho từng loại hình đào tạo, và cho các nhóm nghề khác nhau.

5. Với yêu cầu đào tạo nghề theo chương trình học chính quy như các nước tiên tiến thì cơ sở vật chất kỹ thuật của đại đa số các trường, đặc biệt là các trường tư nhân hiện nay là không đảm bảo (mặt bằng hẹp, xưởng trường hẹp, máy móc thiết bị và đồ dùng dạy học trang bị không đồng bộ và cũ kỹ, lạc hậu).

6. Do thiếu quy hoạch hệ thống đào tạo nghề nên xu hướng tăng giảm ngành nghề đào tạo hiện nay là hoàn toàn theo trào lưu, tự phát. Một số nghề đào tạo đại trà như các nghề tin học, ngoại ngữ, kinh tế thường có tỷ lệ học sinh rất cao so với tổng 80 nghề đang được đào tạo tại thành phố, trong khi

đó nhu cầu nguồn nhân lực qua điều tra các doanh nghiệp thì lại nghiêng về các ngành nghề kỹ thuật đối với các loại thợ lành nghề và công nhân kỹ thuật bậc cao, còn kiến thức tin học, ngoại ngữ cũng cần nhưng nó thuộc loại kiến thức bổ sung cho các ngành nghề khác chứ không xác định nhu cầu đào tạo loại kiến thức này như một nghề. Do đó cơ cấu đào tạo nghề theo ngành nghề hiện nay là mất cân đối không đáp ứng được cho yêu cầu đòi hỏi của dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thực tế khảo sát đã cho thấy nhiều ngành nghề đào tạo ra rất khó kiếm việc làm, tỷ lệ tìm được việc làm thấp nhất hiện nay rơi vào các ngành nghề như tin học, kinh tế, ngoại ngữ....

7. Nếu so sánh kết quả đào tạo nghề trên địa bàn thành phố với kết quả đào tạo các loại cấp bậc cao hơn như trung học chuyên nghiệp, và cao đẳng đại học thì mô hình đào tạo này không đi theo mô hình của thế giới là hình chóp, trong đó phần đáy thuộc về lực lượng lao động tốt nghiệp các trường đào tạo nghề tức là đội ngũ công nhân kỹ thuật, phần giữa là đội ngũ kỹ thuật viên, tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp, còn phần đỉnh chóp là đội ngũ các chuyên gia kinh tế, kỹ thuật tốt nghiệp cao đẳng đại học trở lên. Kết quả điều tra số tốt nghiệp là học sinh tại chỗ năm học 1997-1998 trên địa bàn TP. HCM như sau: học sinh tốt nghiệp các trường dạy nghề là 93.803, trong đó chỉ có 1.463 học sinh tốt nghiệp hệ dài hạn theo chương trình đào tạo nghề chính quy thuộc các trường trung học nghề, số tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp người tại chỗ là 12.312, số tốt nghiệp 26 trường cao đẳng đại học trên địa bàn là học sinh tại chỗ ước từ số chung là 19.994. Theo số liệu trên thì cơ cấu theo trình độ được đào tạo chính quy là cứ 1 tốt nghiệp cao đẳng đại học, có 0,6 tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp và chỉ có 0,07 tốt nghiệp trung học nghề chính quy, (còn nếu tính cả số đào tạo xoỉ ngắn hạn 2-3 tháng thì có 4,7 tốt nghiệp các trường dạy nghề). Tuy nhiên trên thế giới không thể chấp nhận hệ thống đào tạo 2 tháng đến 3 tháng có thể được gọi là nghề. Đây là một thách thức lớn nhất hiện nay trong hệ thống đào tạo của chúng ta ■